

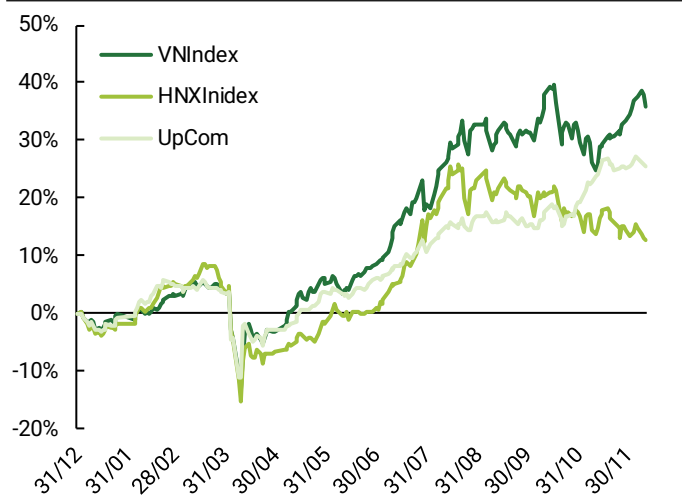
VN-Index **1718.98 (-1.61%)**
683 Tr. cổ phiếu 20018.8 Tỷ VND (-32.46%)

HNX-Index **256.48 (-0.26%)**
45 Tr. cổ phiếu 827.9 Tỷ VND (-48.69%)

UPCOM-Index **119.11 (-0.48%)**
32 Tr. cổ phiếu 540.3 Tỷ VND (-8.26%)

VN30F1M **1935.00 (-1.78%)**
273,485 HD OI: 36,337 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1719.0, giảm -28.2 điểm (-1.61%). Thanh khoản giảm với độ rộng nghiêng về bên bán. Sắc đỏ cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Vingroup điều chỉnh gây áp lực lên chỉ số chung, trái lại, sự hồi phục ở nhóm Ngân hàng giữ vai trò nâng đỡ. Số lượng mã giảm đã thu hẹp so với phiên hôm qua.
Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Ngân hàng: HDB (+2.1%), MBB (+1.8%), VPB (+0.9%) | Dịch vụ tài chính: AGR (+7.0%), FTS (+4.4%) | Tài nguyên Cơ bản: TTF (+6.7%), KSB (+0.8%), HPG (+0.9%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: VIC (-7.0%), TAL (-6.8%), VRE (-6.3%) | Thực phẩm và đồ uống: SAB (-3.4%), DBC (-1.8%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (-6.8%), GEX (-3.3%) | Xây dựng và Vật liệu: LCG (-4.0%), CII (-4.0%), HHV (-2.7%)
Tác động chỉ số: Chiều tăng | MBB, HDB, CTG, VPB, HPG - Chiều giảm | VIC, VHM, VPL, GEE, VRE
Khối ngoại Bán ròng hơn 360 tỷ, tập trung nhiều ở VIC, STB, VCB, trong khi mua ròng MBB, HPG, VJC.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** không duy trì được trên ngưỡng 1740 điểm nên phản ứng bật tăng trước đó chưa thuyết phục và áp lực điều chỉnh đã quay lại chi phối. Việc chỉ số hạ nhiệt về vùng 1710 - 1730 phù hợp kỳ vọng, nhất là khi đà đi lên thiếu lan tỏa. Điểm tích cực là thanh khoản giảm cho thấy lực cung chủ động đã thu hẹp. Trạng thái rung lắc củng cố khả năng hồi phục quanh vùng hỗ trợ này. Mốc tâm lý 1700 điểm hiện cũng là vùng cầu mạnh, nếu bị xuyên thủng, thị trường có thể quay về trạng thái đi ngang trong khu vực 1640 - 1690 điểm trước khi có thể hình thành xu hướng rõ ràng hơn.
- HNX-Index** kết phiên tạo mẫu hình nền Spinning top lưỡng lự, cùng với thanh khoản thấp cho thấy sự giằng co tại khu vực đáy 256. Vận động có lẽ tiếp tục rung lắc củng cố, với hỗ trợ thấp hơn quanh mốc 250 trong khi kháng cự là ngưỡng 265.
- Chiến lược chung:** Nhịp hồi nên tận dụng đưa tài khoản về tỷ lệ an toàn nếu tỷ trọng cổ phiếu vẫn còn ở mức cao. Trường hợp NĐT đã hạ bớt vị thế có thể nghiêng về nắm giữ và đứng ngoài quan sát thị trường. Ưu tiên quản trị rủi ro trong trường hợp có cổ phiếu bị vi phạm. Dòng tiền đang trở lại phân hóa và luân chuyển nhanh, hạn chế hưng phấn trước các dấu hiệu bật tăng chưa rõ ràng. NĐT có thể phân bổ một phần tỷ trọng qua kênh phái sinh để phòng vệ giá (Hedging).

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Nắm giữ NTP (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với				Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với			
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																		
VN-Index	1,719.0 ▼	-1.61%	-0.7%	8.8%	20,018.8 ▼	-32.5%	-30.1%	-6.2%	683.1 ▼	-33.9%	-17.0%	-7.1%						
HNX-Index	256.5 ▼	-0.3%	-1.2%	-0.7%	827.9 ▼	-48.7%	-36.5%	-56.0%	44.6 ▼	-42.7%	-28.5%	-45.9%						
UPCOM-Index	119.1 ▼	-0.48%	-0.9%	1.4%	540.3 ▼	-8.3%	-30.1%	-23.9%	32.1 ▼	-2.8%	-8.6%	39.5%						
VN30	1,947.0 ▼	-1.3%	-1.3%	7.9%	11,636.4 ▼	-31.5%	-29.6%	-2.9%	268.2 ▼	-39.9%	-36.9%	-18.0%						
VNMID	2,240.0 ▼	-0.8%	-3.1%	1.8%	6,416.9 ▼	-29.4%	-7.5%	-19.1%	246.8 ▼	-30.7%	-5.6%	-20.7%						
VNSML	1,516.2 ▼	-0.32%	-0.3%	1.2%	1,220.3 ▼	-24.3%	-16.1%	18.8%	98.5 ▼	-20.1%	17.9%	38.3%						
Theo ngành (VNIndex)																		
Ngân hàng	621.8 ▬	0.54%	0.18%	1.0%	5,107.2 ▼	-36.40%	-28.3%	-10.1%	201.3 ▼	-36.0%	-30.1%	-12.7%						
Bất động sản	752.0 ▼	-5.1%	8.8%	33.1%	5,252.6 ▼	-9.4%	20.1%	22.3%	128.8 ▼	-16.5%	5.0%	2.6%						
Dịch vụ tài chính	312.1 ▬	0.5%	-1.3%	0.2%	1,900.9 ▼	-48.3%	-40.0%	-41.6%	79.1 ▼	-48.0%	-34.9%	-35.6%						
Công nghiệp	271.2 ▼	-3.1%	-3.2%	8.9%	1,404.9 ▼	-14.6%	1.3%	-6.3%	31.9 ▼	-26.7%	-15.6%	-15.0%						
Tài nguyên cơ bản	528.5 ▬	0.7%	-0.1%	1.1%	1,113.7 ▼	-17.6%	15.4%	6.6%	58.0 ▼	-6.1%	32.5%	27.8%						
Xây dựng - Vật Liệu	189.3 ▼	-0.8%	0.1%	2.5%	779.3 ▼	-37.2%	-29.4%	-25.0%	38.2 ▼	-35.9%	-24.4%	-17.3%						
Thực phẩm	565.4 ▼	-0.2%	-1.1%	6.1%	1,119.6 ▼	-45.1%	-37.1%	-33.7%	28.2 ▼	-50.7%	-37.3%	-39.1%						
Bán Lẻ	1,528.2 ▼	-1.4%	4.7%	10.0%	682.6 ▼	-30.9%	-39.9%	-9.1%	8.6 ▼	-34.3%	-42.8%	-19.4%						
Công nghệ	511.2 ▼	-1.2%	0.4%	-3.0%	414.4 ▼	-63.0%	-46.9%	-45.9%	5.4 ▼	-62.3%	-53.3%	-45.8%						
Hóa chất	165.1 ▼	-0.33%	-2.1%	-0.3%	310.8 ▼	-51.2%	-37.2%	-44.3%	13.2 ▼	-53.5%	-33.5%	-27.3%						
Tiện ích	660.5 ▼	-0.2%	-2.0%	0.7%	352.6 ▲	2.9%	32.0%	16.8%	21.7 ▲	14.1%	66.3%	45.5%						
Dầu khí	69.7 ▼	-0.50%	-3.5%	-4.4%	266.3 ▼	-39.3%	-22.1%	-49.0%	11.8 ▼	-43.1%	-19.5%	-43.1%						
Dược phẩm	427.6 ▼	-0.5%	0.5%	1.4%	99.7 ▲	97.3%	-36.3%	10.3%	8.5 ▲	63.0%	16.8%	88.5%						
Bảo hiểm	89.7 ▼	-1.2%	4.8%	5.1%	36.4 ▼	-40.1%	-28.9%	-8.4%	0.9 ▼	-41.6%	-37.3%	-26.9%						

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,719.0 ▼	-1.6%	35.7%	17.0x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,270	-	-9.3%	13.5x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,701 ▬	0.5%	22.9%	21.7x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	11,917 ▼	-0.1%	-5.3%	15.8x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,960 ▼	-0.3%	-8.7%	10.0x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,900 ▼	-0.2%	16.4%	18.6x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,541 ▬	0.4%	27.3%	12.7x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	50,603 ▼	-0.10%	26.8%	22.3x	2.5x
S&P 500	Mỹ	6,841 ▼	-0.1%	16.3%	27.2x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	47,560 ▼	-0.4%	11.8%	23.0x	4.9x
FTSE 100	Anh	9,654 ▬	0.1%	18.1%	14.5x	2.2x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,704 ▼	-0.26%	16.5%	17.3x	2.4x
DX/USD		99.2 ▬	0.10%	-8.6%		
USD/VND		26,355 ▼	-0.057%	3.4%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

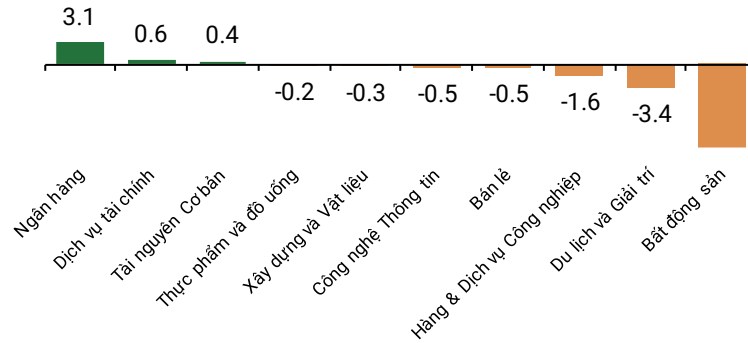
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▬	0.2%	-3.1%	-16.8%	-14.0%
Dầu WTI	▼	-0.7%	-2.8%	-18.5%	-14.8%
Khí gas	▼	-7.8%	4.4%	24.6%	43.2%
Than cốc (*)	▬	0.0%	0.0%	-4.3%	-7.2%
Thép HRC (*)	▼	-0.6%	-0.2%	-5.6%	-8.6%
PVC (*)	▬	0.0%	-2.6%	-11.3%	-10.7%
Phân Urea (*)	▬	0.5%	-1.9%	6.2%	12.8%
Cao su thiên nhiên	▬	0.8%	1.2%	-12.6%	-13.8%
Bông Cotton	▲	3.6%	-0.3%	-6.3%	-7.7%
Đường	▼	-0.3%	4.0%	-23.3%	-29.8%
World Container Index	▲	6.7%	-1.7%	-49.3%	-45.5%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-2.6%	-1.6%	47.9%	47.1%
Vàng	▬	0.0%	1.9%	59.7%	55.6%
Bạc	▲	4.9%	20.8%	111.1%	91.2%

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

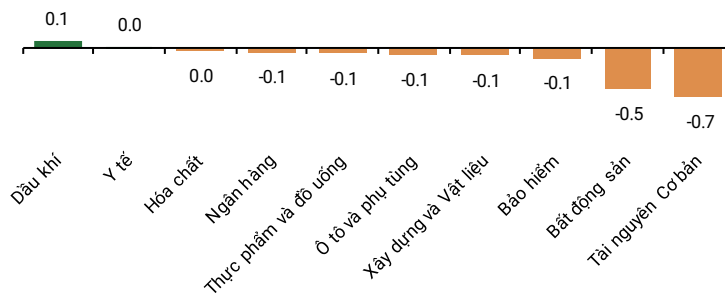
+0.21 (TCX)	-0.29 (TAL)
+0.28 (SSI)	-0.33 (MWG)
+0.28 (VNM)	-0.45 (VJC)
+0.38 (VCB)	-0.50 (FPT)
+0.40 (BID)	-0.52 (SAB)
+0.43 (HPG)	-1.02 (VRE)
+0.45 (VPB)	-1.23 (GEE)
+0.48 (CTG)	-2.91 (VPL)
+0.57 (HDB)	-3.70 (VHM)
+0.82 (MBB)	-19.46 (VIC)

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

+15 (SSI)	-23 (VPL)
+18 (SAB)	-23 (VSC)
+21 (PVD)	-25 (BID)
+22 (MWG)	-29 (GEX)
+26 (CTG)	-43 (HDB)
+28 (TCB)	-64 (MSN)
+65 (VNM)	-74 (VHM)
+77 (VJC)	-86 (VCB)
+152 (HPG)	-160 (STB)
+241 (MBB)	-307 (VIC)

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



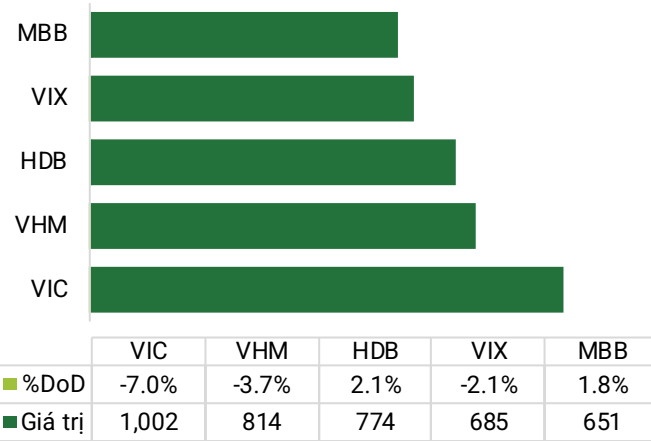
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

+0.01 (TKU)	-0.04 (VC3)
+0.03 (HTC)	-0.04 (IDC)
+0.03 (GMA)	-0.04 (THD)
+0.03 (VNR)	-0.05 (VCS)
+0.04 (DNP)	-0.11 (NVB)
+0.04 (PMC)	-0.12 (HUT)
+0.05 (SHS)	-0.16 (CEO)
+0.06 (BAB)	-0.26 (KSF)
+0.12 (PVS)	-0.41 (PVI)
+0.24 (PTI)	-0.64 (KSV)

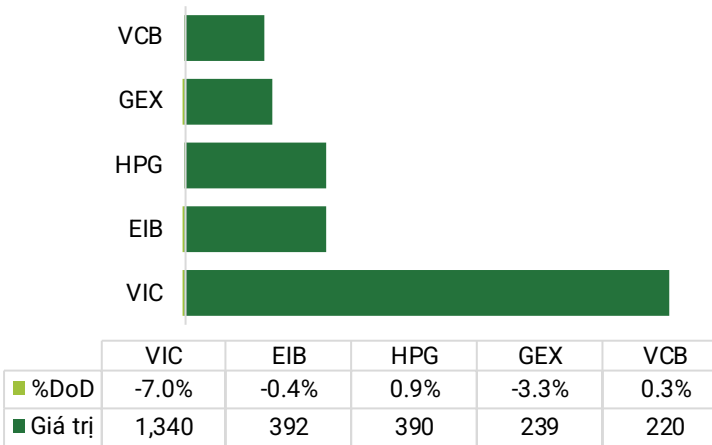
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

+0.1 (VGS)	-0.1 (IDV)
+0.1 (IVS)	-0.1 (BVS)
+0.1 (CLH)	-0.2 (L40)
+0.2 (DL1)	-0.3 (TIG)
+0.2 (HGM)	-0.4 (PVI)
+1.1 (NRC)	-0.4 (MST)
+1.6 (VFS)	-0.8 (TNG)
+3.8 (PVS)	-0.9 (VC3)
+8.0 (IDC)	-2.3 (CEO)
+12.8 (SHS)	-12.7 (MBS)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

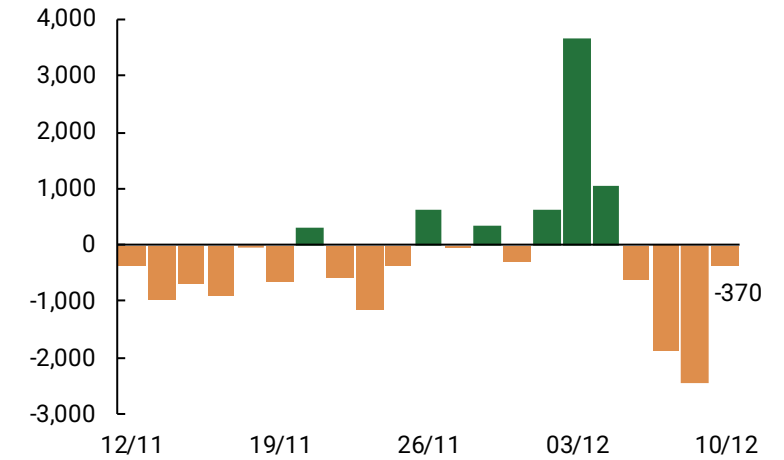


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

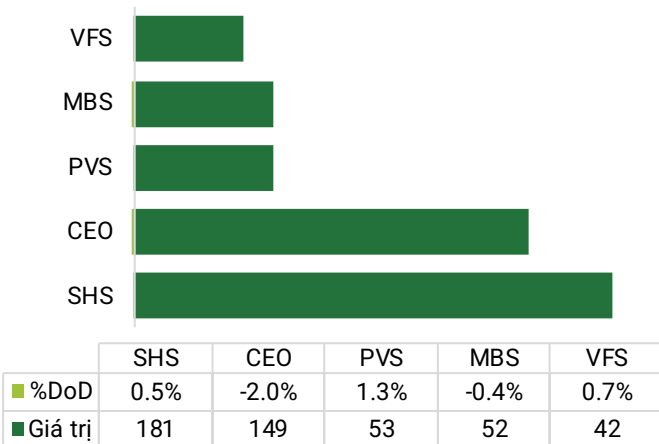


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

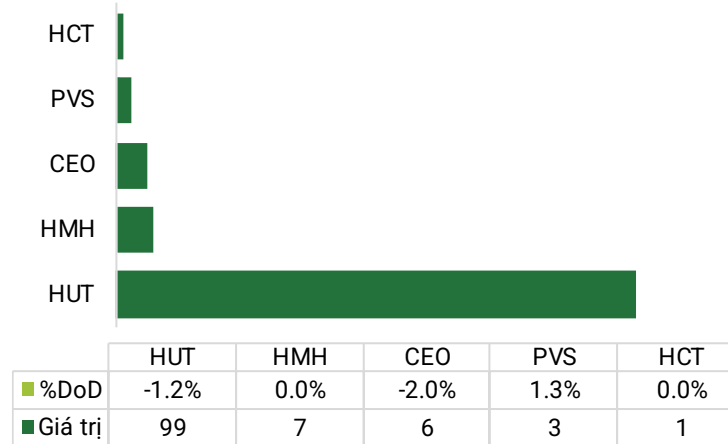
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



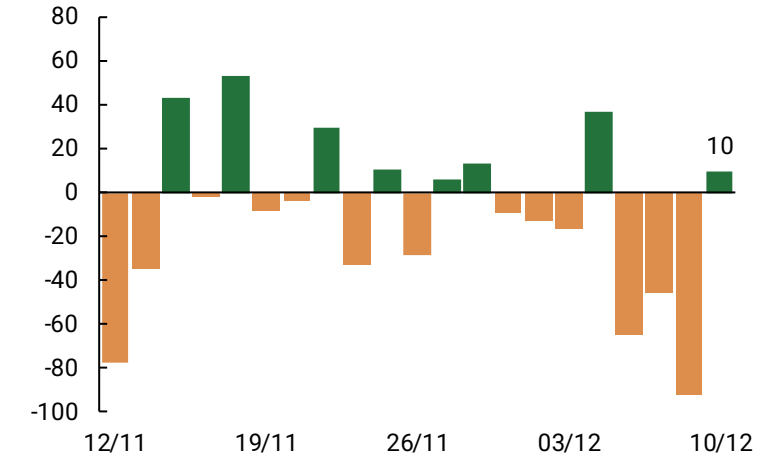
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Marubozu giảm, vol dưới bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 - 1720.
- ✓ Kháng cự: 1750 – 1760.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Củng cố lại đà tăng.

Kịch bản: Áp lực điều chỉnh tiếp tục chiếm ưu thế khi không có phản ứng củng cố trên ngưỡng 1740 điểm. Tín hiệu hạ nhiệt về khu vực 1710 – 1730 phù hợp kỳ vọng, trong bối cảnh chỉ số đi lên thiếu lan tỏa. VN-Index khả năng còn rung lắc, kiểm định thêm quanh đây. Điểm sáng là thanh khoản giảm, cho thấy lực cung hạ bớt. Hiện mốc tâm lý 1700 là hỗ trợ mạnh, nếu chỉ số lùi về dưới ngưỡng này, trạng thái có thể trở lại đi ngang lưỡng lự trong vùng 1640 – 1690 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến giảm thân lớn, vol trên dưới quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1900 - 1920.
- ✓ Kháng cự: 2000.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Củng cố lại đà tăng.

➔ VN30 nổi dài đà giảm sau khi tiếp cận mục tiêu cản 2000 điểm. Việc dựa vào một hai trụ cột khiến đà đi lên kém bền vững và hạ nhiệt phù hợp kỳ vọng. Vận động khả năng trở lại rung lắc, củng cố thêm quanh vùng 1940 - 1960. Hỗ trợ duy trì động lượng hiện quanh ngưỡng 1920, nếu chỉ số lùi về dưới ngưỡng này, đà giảm có thể tiếp tục chi phối và rủi ro đánh mất mốc 1900 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	NTP	HOLD	Current price	63.6	-0.9%	P/E (x)	10.8
			Action price (3/12)	64.2		P/B (x)	2.7
Exchange	HNX		Cut loss (new)	61		EPS	5885.0
			Target price	71		ROE	26.6%
Sector	Building Materials & Fixtures		Target price (old)			Stock Rating	A
						Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá đang kiểm định quanh MA20 ngày.
- Chỉ báo MACD hạ nhiệt nhưng còn nằm trên đường tín hiệu, cùng với RSI duy trì ngang mức trung bình 50, hàm ý động lượng tăng vẫn được củng cố.
- Thanh khoản thấp cho thấy lực cung chưa gây áp lực lớn.
- Rủi ro thị trường: Độ rộng suy yếu và chỉ số đi lên dựa vào một, hai trụ cột sẽ tiềm ẩn khả năng đảo chiều, gây áp lực lên cổ phiếu riêng lẻ.

- ➔ Tín hiệu điều chỉnh lành mạnh nhưng có thể gặp rủi ro thị trường suy yếu.
- ➔ Khuyến nghị Nắm giữ, nâng cắt lỗ 61.5.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	NTP	Nắm giữ	11/12/2025	63.60	64.20	-0.9%	71.0	10.6%	61.5	-4.2%	Rủ ro thị trường

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	PC1	Nắm giữ	18/11/2025	02/12/2025	21.70	22.5	-3.6%	25.0	11.1%	21.0	-6.7%	
2	PHR	Nắm giữ	28/11/2025	10/12/2025	57.10	56.6	0.9%	64.0	13.1%	54.0	-4.6%	Nâng cắt lỗ 54
3	DGW	Mua	01/12/2025	-	41.65	43.70	-4.7%	50.0	14.4%	40.0	-8.5%	
4	NTP	Nắm giữ	03/12/2025	11/12/2025	63.60	64.2	-0.9%	71.0	10.6%	61.5	-4.2%	Nâng cắt lỗ 61.5
5	DBC	Mua	04/12/2025	-	26.80	27.60	-2.9%	30.5	10.5%	26.0	-5.8%	
6	VGTT	Mua	05/12/2025	-	12.43	12.7	-1.7%	14.0	10.7%	12.0	-5.1%	
7	SHB	Mua	08/12/2025	-	16.45	16.75	-1.8%	18.5	10.4%	15.9	-5.1%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1935, giảm 35 điểm (-1.8%). Vận động chịu áp lực điều chỉnh trong phần lớn thời gian giao dịch. Giá lao dốc nhanh hơn vào cuối phiên chiều, khi các cổ phiếu trụ trong rổ VN30 mất đà.
- Ở đồ thị 15 phút**, chỉ báo MACD giảm mạnh, cùng với RSI cũng lao dốc về mức quá bán cao, cho thấy khả năng lực cầu bắt đáy có thể tham gia và thúc đẩy nhịp hồi. Dù vậy, xu hướng lớn vẫn nghiêng về điều chỉnh. Vị thế Long cân nhắc khi giá giữ trên vùng hỗ trợ 1930 - 1935. Vị thế Short nên chờ ở vùng cao, tận dụng nhịp hồi, và có thể theo dõi tín hiệu suy yếu tại ngưỡng 1950, hoặc có thể Short khi giá mất mốc 1920.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1837.1, giảm 27.9 điểm (-1.5%). Độ lệch basis 7.8 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 58 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1830 - 1835, trong khi kháng cự là ngưỡng 1850.

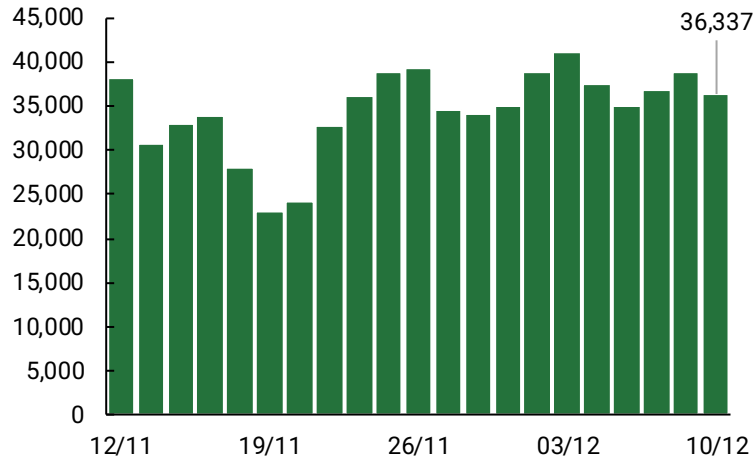
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 1.932	1.942	1.925	10 : 07
Short	< 1.950	1.938	1.958	12 : 08
Short	< 1.920	1.905	1.930	15 : 10

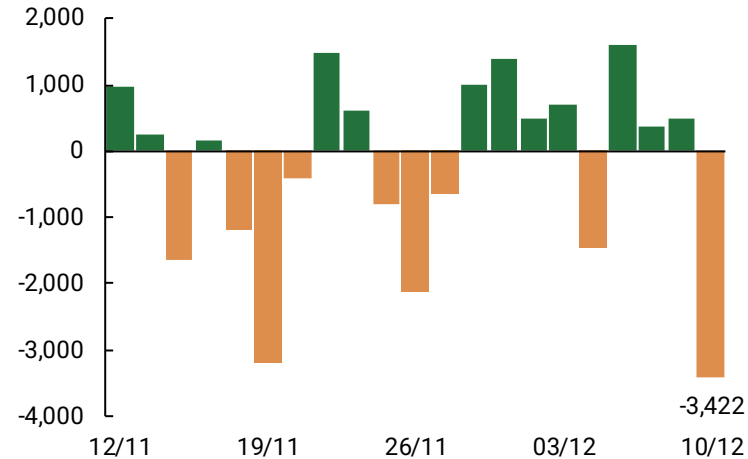
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G6000	1,930.0	-27.2	60	244	1,957.1	-27.1	18/06/2026	190
41I1G3000	1,929.0	-37.0	111	451	1,952.3	-23.3	19/03/2026	99
41I1G1000	1,932.0	-30.9	1,242	1,952	1,948.9	-16.9	15/01/2026	36
VN30F2512	1,935.0	-35.0	273,485	36,337	1,947.4	-12.4	18/12/2025	8
41I2FC000	1,837.1	-27.9	58	33	1,845.3	-8.2	18/12/2025	8

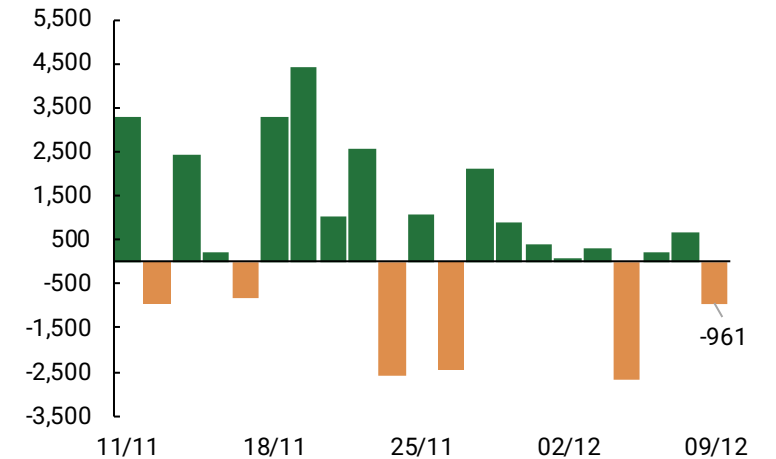
Khối lượng mở (Open interest)



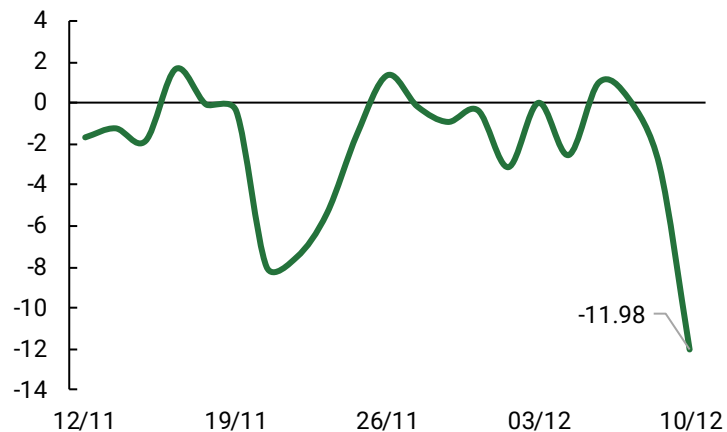
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



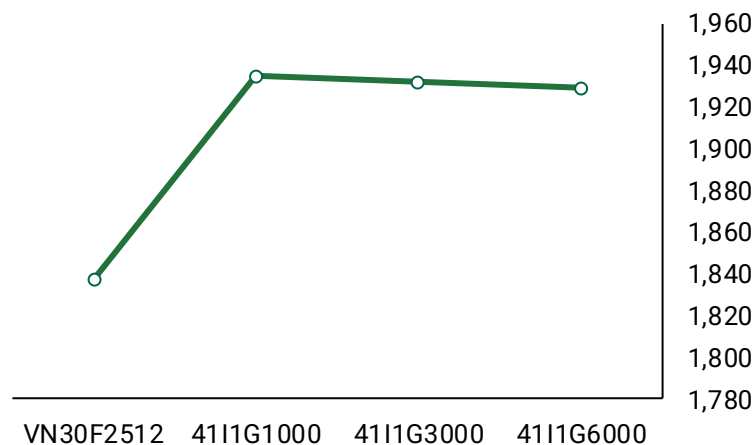
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



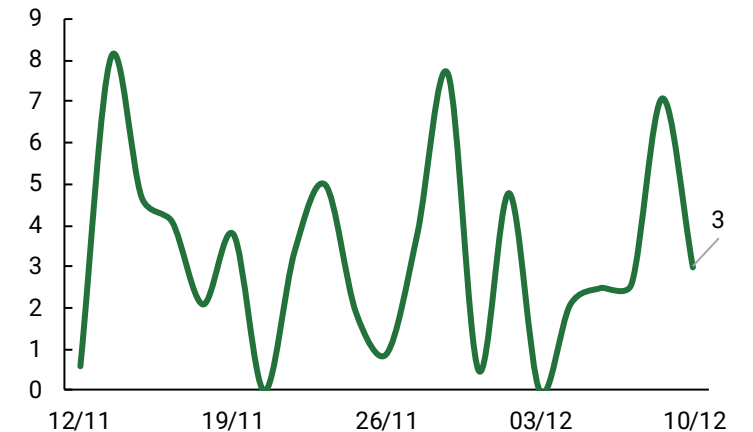
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	77,000	65,400	-15.1%	Bán
BCM	65,900	74,500	13.1%	Tăng tỷ trọng
CTD	84,000	91,400	8.8%	Nắm giữ
CTI	22,950	27,200	18.5%	Tăng tỷ trọng
DBD	50,100	68,000	35.7%	Mua
DDV	24,887	35,500	42.6%	Mua
DGC	95,000	102,300	7.7%	Nắm giữ
DGW	41,650	48,500	16.4%	Tăng tỷ trọng
DPG	42,950	53,100	23.6%	Mua
DPR	37,650	46,500	23.5%	Mua
DRI	12,763	17,200	34.8%	Mua
EVF	11,850	14,400	21.5%	Mua
FRT	149,600	135,800	-9.2%	Giảm tỷ trọng
GMD	58,000	72,700	25.3%	Mua
HAH	59,300	67,600	14.0%	Tăng tỷ trọng
HDG	30,400	33,800	11.2%	Tăng tỷ trọng
HHV	14,400	12,600	-12.5%	Bán
HPG	26,650	12,600	-52.7%	Bán
IMP	48,700	55,000	12.9%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	25,150	22,700	-9.7%	Giảm tỷ trọng
MSH	33,400	43,100	29.0%	Mua
MWG	83,000	92,500	11.4%	Tăng tỷ trọng
NLG	34,850	39,950	14.6%	Tăng tỷ trọng
NT2	23,600	27,400	16.1%	Tăng tỷ trọng
PHR	57,100	72,800	27.5%	Mua
PNJ	88,100	96,800	9.9%	Nắm giữ
PVT	18,050	18,900	4.7%	Nắm giữ
SAB	51,500	59,900	16.3%	Tăng tỷ trọng
TLG	61,500	59,700	-2.9%	Giảm tỷ trọng
TCB	33,700	35,650	5.8%	Nắm giữ
TCM	27,200	38,400	41.2%	Mua
TRC	78,000	95,800	22.8%	Mua
VCG	24,250	26,200	8.0%	Nắm giữ
VHC	55,600	60,000	7.9%	Nắm giữ
VNM	63,100	66,650	5.6%	Nắm giữ
VSC	21,250	17,900	-15.8%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

- 01/12 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 05/12 Việt Nam – FTSE công bố đảo danh mục
Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp
- 06/12 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 11 và 11 tháng
- 09/12 Úc – RBA công bố lãi suất
- 10/12 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
Canada – BOC công bố lãi suất
- 11/12 Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành,
Chỉ số giá sản xuất (PPI)
- 12/12 Việt Nam - Vaneck công bố danh mục
- 17/12 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 18/12 Việt Nam - Đảo hạn phái sinh
Anh – BoE công bố lãi suất
- 19/12 Việt Nam - Quỹ ETF liên quan Vaneck và
FTSE thực hiện tái cơ cấu danh mục
Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
Mỹ - Công bố số cuối cùng GDP
- 31/12 Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC

THÔNG TIN VĨ MÔ

Doanh nghiệp FDI được gỡ vướng pháp lý để niêm yết trên sàn chứng khoán: Sau quá trình rà soát và xin ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã được Chính phủ và Bộ Tài chính chấp thuận cho phép tiếp nhận trở lại hồ sơ niêm yết, đăng ký giao dịch của doanh nghiệp FDI, mở ra dư địa đáng kể để mở rộng hàng hóa trên thị trường.

Luật Thuế TNCN sửa đổi, cá nhân, hộ kinh doanh được nâng mức doanh thu chịu thuế lên 500 triệu đồng/năm: Mức doanh thu không phải chịu thuế của hộ, cá nhân kinh doanh chính thức được nâng từ 200 triệu đồng/năm lên 500 triệu đồng/năm và cho trừ mức này trước khi tính thuế theo tỷ lệ trên doanh thu.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

PVT - PVTrans báo lãi hơn 1.300 tỷ đồng sau 11 tháng: Tổng CTCP Vận tải Dầu khí vừa công bố kết quả kinh doanh 11 tháng đầu năm 2025. Theo đó, công ty ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 13.950 tỷ đồng, tăng hơn 13% so với cùng kỳ năm trước; trong khi lợi nhuận trước thuế đạt 1.355 tỷ đồng, giảm khoảng 8%. Với kết quả 11 tháng, công ty đã hoàn thành lần lượt 150% mục tiêu doanh thu và 113% chỉ tiêu lợi nhuận cả năm. Cùng giai đoạn này, PVTrans đã đầu tư thêm 6 tàu mới, nâng tổng số đội tàu sở hữu lên 64 chiếc với tổng trọng tải hơn 1,9 triệu DWT, trong đó hơn 90% đội tàu hoạt động tại thị trường nước ngoài.

SSI – Vay hợp vốn quốc tế lớn nhất ngành chứng khoán: SSI vừa hoàn tất khoản vay hợp vốn tín chấp quốc tế trị giá 300 triệu USD – mức huy động vốn lớn nhất từ trước đến nay của một công ty chứng khoán Việt Nam. Thương vụ này cho thấy mức độ tín nhiệm của các định chế tài chính nước ngoài đối với thị trường Việt Nam đang tăng lên rõ rệt. Khoản vay được thu xếp bởi nhóm ngân hàng khu vực châu Á, trong đó Cathay United Bank và Union Bank of Taiwan đóng vai trò Mandated Lead Arrangers dẫn dắt giao dịch.

HHV rót 790 tỷ đồng vào công ty liên kết: Hạ tầng Giao thông Đèo Cả dự kiến nâng tỷ lệ sở hữu tại Hạ tầng Đô thị Đèo Cả từ 8% lên 17,8%, với giá trị vốn góp bổ sung khoảng 790 tỷ đồng. Các đợt góp vốn tiếp theo sẽ được xác định theo phương án tăng vốn đã được phê duyệt. HHV cho biết nguồn vốn góp thêm sẽ đến từ vốn tự có, vốn vay và các nguồn huy động hợp pháp khác. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2025, HHV đạt doanh thu thuần hơn 2.596 tỷ đồng và Lợi nhuận sau thuế hơn 477 tỷ đồng, tăng lần lượt 13% và 30% so với cùng kỳ năm trước.

HDB – Chốt quyền chia gần 30% cổ tức và cổ phiếu thưởng vào ngày cả nước khởi công - khánh thành 245 dự án lớn: Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM thông báo chốt quyền chi trả gần 30% cổ tức và cổ phiếu thưởng vào ngày 19/12/2025 - khi cả nước khởi công và khánh thành 245 dự án lớn với tổng mức đầu tư hơn 1,34 triệu tỷ đồng, chào mừng Đại hội XIV của Đảng.

DGC - Tạm ứng cổ tức tiền mặt tỷ lệ 30%: CTCP Tập đoàn Hoá chất Đức Giang thông báo sẽ chốt danh sách cổ đông vào ngày 25/12 để tạm ứng cổ tức tiền mặt năm 2025 với tỷ lệ 30%, tương ứng 3.000 đồng/cổ phiếu và dự kiến thanh toán vào ngày 15/1/2026. Với gần 380 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp sẽ chi khoảng 1.140 tỷ đồng cho đợt cổ tức này. Mức chi trả trên tương đương với kế hoạch cổ tức hai năm 2023–2024, trong khi năm 2022 công ty từng chia cổ tức tiền mặt tới 40% nhờ kết quả kinh doanh bứt phá.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415